

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025*(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)**(Kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND xã Tư Nghĩa)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối %
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	146,416	256,762	110,346	175.36
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2,675	8,581	5,906	320.79
1	Thu NSDP hưởng 100%	2,206	7,611	5,405	345.01
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	469	970	501	206.82
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	143,741	245,508	101,767	170.80
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	28,562	28,162	-400	98.60
2	Thu bổ sung có mục tiêu	115,179	217,346	102,167	188.70
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			0	
IV	Thu kết dư			0	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		2,673	2,673	
VI	Thu từ cấp dưới nộp lên			0	
B	TỔNG CHI NSDP	146,416	256,762	110,346	175.36
I	Tổng chi cân đối NSDP	146,416	235,416	89,000	160.79
1	Chi đầu tư phát triển		30,604	30,604	
2	Chi thường xuyên	145,742	204,812	59,070	140.53
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			0	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			0	
5	Dự phòng ngân sách	674		-674	-
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0	
II	Chi các chương trình mục tiêu				
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		16,929	16,929	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		20,470	20,470	
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên		876	876	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP			0	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP			0	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			0	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh			0	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP			0	
I	Vay để bù đắp bội chi			0	
II	Vay để trả nợ gốc			0	
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP			0	

**QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH
NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND xã Tư Nghĩa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
B	NGÂN SÁCH XÃ			
I	Nguồn thu ngân sách	<u>146,416</u>	<u>256,762</u>	<u>175.365</u>
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	2,675	8,581	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	143,741	245,508	
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	28,562	28,162	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	115,179	217,346	
3	Thu kết dư			
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		2,673	
II	Chi ngân sách	<u>146,416</u>	<u>256,762</u>	<u>175.365</u>
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện (xã)	146,416	235,416	
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới (2)		0	
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách			
-	Chi bổ sung có mục tiêu			
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau		20,470	
4	Chi nộp cấp trên		876	
III	Kết dư		0	

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)
(Kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND xã Tư Nghĩa)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Quyết toán năm 2025		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Tổng thu NSNN trên địa bàn (A+B)	4,508	2,675	175,103	8,581	3884.3	320.8
A	Tổng thu cân đối NSNN	4,508	2,675	175,064	8,541	3883.4	319.3
I	Thu nội địa						
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý			182	-		
	- Thuế giá trị gia tăng			182			
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác, dầu khí						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước						
	- Thuế tài nguyên						
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí						
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	-	-	38	15		
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			9			
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước						
	- Thuế tài nguyên			30	15		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	30	-		
	- Thuế giá trị gia tăng			30			
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí						
	- Thu từ khí thiên nhiên						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước						
	- Thuế tài nguyên						
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí						
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước						
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1,513	469	18,370	955	1214.1	203.7
	- Thuế giá trị gia tăng	1,426	442	17,172	758	1204.2	171.5
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		-	768			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	87	27	94	29	108.2	108.0

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Quyết toán năm 2025		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước		-				
	- Thuế tài nguyên	-	-	336	168		
5	Thuế thu nhập cá nhân	789		8,320		1054.6	
6	Thuế bảo vệ môi trường		-				
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu		-				
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước		-				
7	Lệ phí trước bạ	1,245	1,245	8,458	2,781	679.3	223.4
8	Phí, lệ phí	280	280	1,050	332	374.9	118.5
	Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu		-				
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu		-				
	Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		-				
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-				
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	426	426	483	483	113.4	113.4
11	Thu tiền thuê đất, mặt nước		-	471			
12	Tiền sử dụng đất		-	130,234			
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý		-				
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý		-				
13	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-				
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-				
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		-	1	0		
	Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp		-				
	- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp		-				
16	Thu khác ngân sách		-	3,922	471		
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương		-				
17	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	255	255	3,504	3,504	1374.1	1374.1
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức						
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước (5)						
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (5)						
II	Thu từ dầu thô		-				
1	Thu về dầu thô theo hiệp định, hợp đồng		-				
1.1	Thuế tài nguyên		-				
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp		-				
1.3	Lợi nhuận sau thuế được chia của Chính phủ Việt Nam		-				
1.4	Dầu lãi được chia của Chính phủ Việt Nam		-				
1.5	Thuế đặc biệt		-				
1.6	Thu khác		-				

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Quyết toán năm 2025		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
2	<i>Thu về Condensate theo hiệp định, hợp đồng.</i>		-				
3	<i>Phụ thu về dầu, khí</i>		-				
4	<i>Thu về khí thiên nhiên (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)</i>		-				
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu		-				
1	Thuế xuất khẩu		-				
2	Thuế nhập khẩu		-				
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		-				
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		-				
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu		-				
6	Thu khác		-				
IV	Thu Viện trợ		-				
B	Các khoản huy động, đóng góp		-	40	40		
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng		-	40	40		
2	Các khoản huy động đóng góp khác		-				
VI	Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính		-				
1	<i>Thu từ bán cổ phần, vốn góp của Nhà nước nộp ngân sách</i>		-				
2	<i>Thu từ các khoản cho vay của ngân sách</i>		-				
2.1	Thu nợ gốc cho vay		-				
2.2	Thu lãi cho vay		-				
3	<i>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</i>		-				
C	VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		-				
I	Vay bù đắp bội chi NSDP		-				
1	Vay trong nước		-				
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		-				
II	Vay để trả nợ gốc vay		-				
1	Vay trong nước		-				
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước		-				
C	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH		-	246,054	245,508		
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		-	245,508	245,508		
1.	Bổ sung cân đối		-	28,162	28,162		
2.	Bổ sung có mục tiêu		-	217,346	217,346		
2.1	<i>Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước</i>		-	217,346	217,346		
2.2	<i>Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước</i>		-				
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		-	546			
D	THU CHUYỂN NGUỒN		-	2,673	2,673		
E	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH		-				
TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)		4,508	2,675	423,831	256,762	9,401.75	9,598.56

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Quyết toán năm 2025		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã	Tổng thu NSNN	Thu NS xã
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND xã Tư Nghĩa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	146,416	256,762	175
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	146,416	235,416	161
I	Chi đầu tư phát triển	0	30,604	
1	Chi đầu tư cho các dự án		30,604	
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	Chi khoa học và công nghệ			
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	145,742	204,812	141
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		113,196	
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
V	Dự phòng ngân sách	674		0
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU		16,929	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		16,929	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
1	Chi đầu tư Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới		15,309	
2	Chi sự nghiệp các chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		1,620	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		20,470	
D	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		876	

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND xã Tư Nghĩa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	146,417	256,762	110,345	175.36
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)				
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC	146,417	235,416	88,999	160.78
I	Chi đầu tư phát triển		30,604		
1	Chi đầu tư cho các dự án		30,604		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		5,870		
-	Chi khoa học và công nghệ				
-	Chi quốc phòng				
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội				
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hóa thông tin		700		
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
-	Chi thể dục thể thao		17		
-	Chi bảo vệ môi trường				
-	Chi các hoạt động kinh tế		23,095		
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		715		
-	Chi bảo đảm xã hội		208		
-	Chi đầu tư khác				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	145,743	204,812	59,069	140.53
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	104,503	113,196	8,693	108.32
-	Chi khoa học và công nghệ (2)				
-	Chi quốc phòng	1,020	938	-82	91.96
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1,564	1,449	-115	92.63
-	Chi y tế, dân số và gia đình	5	8	3	165.40
-	Chi văn hóa thông tin	445	685	240	153.87
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	84	84	0	100.02
-	Chi thể dục thể thao	199	269	70	135.36
-	Chi bảo vệ môi trường	75	1,314	1,239	1,752.05
-	Chi các hoạt động kinh tế	2,336	4,865	2,529	208.24
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	27,315	52,502	25,187	192.21
-	Chi bảo đảm xã hội	7,852	29,502	21,650	375.73
-	Chi thường xuyên khác	345		-345	

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				
V	Dự phòng ngân sách	674			
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		20,470	20,470	
D	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		876	876	

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)
(Kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND xã Tư Nghĩa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2025							Quyết toán 2025										So sánh			
		Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Hủy dự toán về NS huyện	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX	Chi CTMT- QG
						Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG CỘNG	244,860	16,625	209,693	326	18,542	15,286	3,256	256,762	16,115	202,371		16,930	14,489	2,441	20,470	-	876				
I	Các cơ quan tổ chức	244,860	16,625	209,693	326	18,542	15,286	3,256	235,416	16,115	202,371		16,930	14,489	2,441				98.25%	138.86%	96.47%	92.91%
1	Trường Tiểu học La Hà Nghĩa Thương (1101886)	4,866		4,866					4,849		4,849								99.65%		99.65%	
2	Trường THCS Nghĩa Trung (1101889)	10,204		10,204					10,169		10,169								99.66%		99.66%	
3	Trường THCS Nghĩa Thương (1107497)	9,719		9,719					9,688		9,688								99.68%		99.68%	
4	Trường Tiểu học Phan Văn Đường (1107502)	7,702		7,702					7,668		7,668								99.56%		99.56%	
5	Trường Tiểu học Điện An (1107504)	6,829		6,829					6,801		6,801								99.59%		99.59%	
6	Trường Tiểu Học Châu Phú Điền (1107505)	6,968		6,968					6,914		6,914								99.23%		99.23%	
7	Trường THCS Nghĩa Hòa (1111770)	9,323		9,323					9,179		9,179								98.46%		98.46%	
8	Trường Mầm non Hòa Mi (1112692)	6,473		6,473					6,443		6,443								99.54%		99.54%	
9	Trường Tiểu học Tân An (1112693)	4,589		4,589					4,567		4,567								99.52%		99.52%	
10	Trường Mầm non Nghĩa Hòa (1115758)	5,723		5,723					5,513		5,513								96.33%		96.33%	
11	Trường Mầm non Hoa Sen (1115806)	3,839		3,839					3,833		3,833								99.84%		99.84%	
12	Trường Mầm non Nghĩa Thương (1115808)	6,284		6,284					6,249		6,249								99.44%		99.44%	
13	Trường Mầm non Nghĩa Trung (1116092)	6,098		6,098					5,976		5,976								98%		98%	
14	Trường Mầm non Sao Mai (1116545)	3,931		3,931					3,915		3,915								99.59%		99.59%	
15	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở La Hà (1133211)	21,125		21,125					21,054		21,054								99.66%		99.66%	
16	Ủy ban nhân dân xã Tư Nghĩa (1144063)	23,049		23,049					23,049		23,049								100%		100%	
17	ỦY BAN MẬT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ TƯ NGHĨA (1157043)	3,649		3,649					3,613		3,613								99.01%		99.01%	
18	Phòng Kinh tế xã Tư Nghĩa (1157561)	10,434		10,434					8,310		8,310								79.64%		79.64%	
19	VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY XÃ TƯ NGHĨA (1157624)	6,517		6,517					6,430		6,430								98.67%		98.67%	
20	Văn phòng hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân xã Tư Nghĩa(1157898)	6,480		6,221				259	6,288		6,077		211		211				97.04%		96.94%	100%
21	Trung tâm Phục vụ Hành Chính công xã Tư Nghĩa(1159464)	850		850					839		839								98.71%		98.71%	
22	Phòng Văn hoá - Xã hội xã Tư Nghĩa(1159466)	44,851		43,929				922	40,051		39,856		195		195				89.3%		90.73%	21.15%
23	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã Tư Nghĩa(1160737)	3,120		1,045				2,075	3,120		1,085		2,035		2,035				100%		100%	100%
24	TRUNG TÂM CHÍNH TRỊ XÃ TƯ NGHĨA(1165052)	326		326	326				294		294								90.18%		90.18%	
25	Đường BTNT xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa; Tuyến: Nguyễn Thanh Hồng - Nguyễn Mau; Hạng mục: Nền, mặt đường + Thoát nước.(7429616)	292	292						292	292									100%	100%		

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2025							Quyết toán 2025										So sánh			
		Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Hủy dự toán về NS huyện	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX	Chi CTMT-QG
						Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
26	Đường GTNT tuyến Trần Cỏ - Trạm 3(7472773)	42	42						42	42									100%	100%		
27	Tuyến Trần Luân đi nghĩa địa Triều Châu (7472781)	4	4						4	4									100%	100%		
28	Kênh trạm bơm Đồng Cồn.(7472785)	120	120						120	120									100%	100%		
29	Đường GTNT xã Nghĩa Hòa; Tuyến Trịnh Nền - Trần Hoàng, Trịnh Nỹ.(7485056)	6	6						6	6									100%	100%		
30	Đường GTNT xã Nghĩa Hòa; Tuyến Chùa Ông - Trần Phụ.(7485060)	35	35						35	35									100%	100%		
31	Đường GTNT xã Nghĩa Hòa; Tuyến: Trần Hiền - Gò Khang.(7485105)	10	10						10	10									100%	100%		
32	Đường GTNT xã Nghĩa Hòa; Tuyến: Nguyễn Thị Tích - Kênh N8-10.(7485110)	4	4						4	4									100%	100%		
33	Xây dựng Trạm bơm Mương Kinh.(7488963)	13	13						13	13									100%	100%		
34	Xây dựng mới khu thể thao xã Nghĩa Hòa (7488968)	7	7						7	7									100%	100%		
35	Đường Ngõ Di chum kết - Mai Giàu(7524522)	15	15						15	15									100%	100%		
36	Tuyến đường Trần Tiến Biền - Nguyễn Nhạn(7524537)	21	21						21	21									100%	100%		
37	Tường rào, công nghệ điểm trường Hòa Tân thuộc trường tiểu học Tây Hòa, xã Nghĩa Hòa(7575075)	4	4						4	4												
38	Đường thôn: Ba Đào - ông Mùi - Tân Quang(7693680)	11	11						10	10												
39	Đường thôn: Tuyến Mai Xuân Hùng đi Ngõ Đốc(7747423)	56	56						56	56												
40	Đ.thôn: Tuyến Trần Quới đi Huỳnh Thái(7813050)	113	113						113	113												
41	Sửa chữa nhà văn hóa xã Nghĩa Thương(7979112)	700	700						700	700												
42	BTXM + Thoát nước tuyến đường từ kênh N8 đi đồng Năm Sào(8023239)	18					18		18				18	18					100%			100%
43	Đường Ông Mùi - Tân Quang - Phạm Tào(8025080)	440	440						400	400									90.91%	90.91%		
44	BTXM Tuyến ngõ 2 Hưu - Đường Sắt(8026716)	26					26		26				26	26					100%			100%
45	Khu thể thao thôn An Hà 1(8031706)	10					10		10				10	10					100%			100%
46	Nối dài kênh N8-10-1(8073398)	200	200						164	164									82%	82%		
47	Đường Bờ kênh N8-VC8, xã Nghĩa Thương(8081076)	532	532						532	532									100%	100%		
48	KCH kênh Mương Vọng -1 (kênh Bùng Bình)(8084943)	405					405		385				385	385					95.06%			95.06%
49	KCH Kênh N10-4-2KD(8088253)	723					723		716				716	716					100%			100%
50	Tuyến từ Núi Ông Xeo đi Trần Văn Sơn; tuyến từ Trịnh Minh Tâm đi Lâm Văn Kiệt (8102244)	370	370						369	369									99.73%	99.73%		
51	21 tuyến đường giao thông nông thôn theo đề án hỗ trợ xi măng năm 2024 (8102410)	210					210		210				210	210					100%			100%
52	28 tuyến đường GTNT theo đề án hỗ trợ xi măng năm 2024 (8102497)	226					226		226				226	226								
53	Điện chiếu sáng trên tuyến đường ĐH28, đoạn từ Chợ Thu Xá đến cầu Phú Nghĩa, xã Nghĩa Hòa (8103800)	942	942						942	942									164.69%	164.69%		

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2025							Quyết toán 2025										So sánh			
		Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Hủy dự toán về NS huyện	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX	Chi CTMT-QG
						Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
54	39 tuyến đường giao thông nông thôn năm 2024, xã Nghĩa Trung (Thuộc đề án đường hỗ trợ xi măng) (8104265)	333					333		333					333	333				100%			100%
55	Nâng cấp, sửa chữa vỉa hè dọc tường rào phía Bắc UBND xã Nghĩa Trung(8108113)	280	280						251	251									89.64%	89.64%		
56	Điện chiếu sáng trên các tuyến đường trục chính xã Nghĩa Trung (Giai đoạn 2)(8108116)	880	880						861	861									172.2%	172.2%		
57	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường La Hà- Thạch Trạn(đoạn từ Nguyễn Khắc Đường đến Đập Ba La)(8110805)	146	146						146	146									100%	100%		
58	Trụ sở làm việc UBND xã Nghĩa Hòa; Hạng mục: Công, tường rào và các hạng mục phụ trợ khác(8120778)	715	715						715	715									144.44%	144.44%		
59	Trang trí các tuyến đường Trung tâm thị trấn La Hà (các tuyến đường: Trần Kiên, Lê Quý Đôn, Từ Ty và Nguyễn Năng Lợi)(8129265)	1,150	1,150						1,097	1,097									95.39%	95.39%		
60	Tuyến đường từ kênh N8 đi giáp đường Tân Nghĩa - Gò Bà Trê(8133548)	1,100					1,100		1,019					1,019	1,019				92.64%			92.64%
61	Điện chiếu sáng từ ngã ba Đào - Khánh Lạc(8137145)	630					630		593					593	593				94.13%			94.13%
62	Bê tông tuyến Phạm Hữu Nhật (đoạn từ Đá Chẽ đi Công Hai Lành)(8137254)	1,115	1,115						1,108	1,108									99.37%	99.37%		
63	Lát vỉa hè tuyến đường Phạm Trung Mưu(8138267)	873	873						873	873												
64	Bê tông tuyến từ Nguyễn Bá - Ngô Thị Huê - Phan Minh Đan(8138269)	270	270						265	265									98.15%	98.15%		
65	Bê tông tuyến từ Nguyễn Huê (QL1) đến Nguyễn Khắc Đường(8138271)	300	300						296	296									592%	592%		
66	Tuyến đường từ cầu Bà Tiên đi đập Tân Quang(8138273)	1,150					1,150		1,136					1,136	1,136				98.78%			98.78%
67	Công viên cây xanh KDC thuộc dự án đường Trần Kiên(8138373)	994	994						994	994									110.44%	110.44%		
68	Tu sửa Đài tưởng niệm, hạng mục sơn nhà bia, cổng ngõ, tường rào và dán gạch bông hoa(8138374)	250	250						201	201									80.4%	80.4%		
69	Đường trạm Bơm Đồng Cồn đi Huỳnh Thái, xã Nghĩa Hòa(8138390)	1,138					1,138		1,095					1,095	1,095				96.22%			96.22%
70	Điện chiếu sáng trên các tuyến đường trục chính từ cầu La Hà đi Nghĩa thương (giai đoạn 2)(8140284)	1,050	1,050						1,033	1,033												
71	Đường điện chiếu sáng xã Nghĩa Trung đi xã Nghĩa Phương(8145490)	500	500						494	494									108.1%	108.1%		
72	Sửa chữa vỉa hè mặt trước Nghĩa trang Liệt sĩ xã Nghĩa Hòa(8145496)	226					226		208					208	208				92.04%			92.04%
73	Nhà đa năng trường THCS Nghĩa Trung(8145861)	4,412					4,412		3,834					3,834	3,834				86.9%			86.9%
74	KCH kênh N8-5A-3(8146356)	320	320						318	318									99.38%	99.38%		
75	Nâng cấp mương thoát nước dọc tuyến đường Từ Nghĩa - Nghĩa Hành (Đoạn qua chợ Nghĩa Trung) (8146358)	300	300						296	296									98.67%	98.67%		
76	KCH kênh N10-10KD (8146359)	380	380						373	373									98.16%	98.16%		

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2025							Quyết toán 2025									So sánh				
		Tổng cộng Dự toán	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Tổng chi	Chi ĐT phát triển (không kể CTMTQG)	Chi TX (không kể CTMTQG)	Chi dự phòng	Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn	Hủy dự toán về NS huyện	Nộp trả NS cấp trên	Tổng chi	Chi ĐT	Chi TX	Chi CTMT-QG
						Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX					Tổng số	Chi ĐT phát triển	Chi TX							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
77	Nâng cấp tuyến đường Ông Mùi đi Tân Quang (8148476)	1,150	1,150						1,106	1,106									96.17%	96.17%		
78	Tuyến đường điện chiếu sáng từ Chùa Phú Thiện đi đập Tân Quang, xã Nghĩa Hòa (8148915)	1,160	1,160						998	998									86.03%	86.03%		
79	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Nguyễn Tấn An-Sân bóng đá- Nguyễn Phục (8155437)	850	850						834	834												
80	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Sao Mai (8163715)	445					445		445				445	445					100%			100%
81	Nâng cấp tuyến đường từ Máy gạo Phan Quốc Hương đến nhà Hà Bảy, thôn Tân Hội (8163716)	660					660		660				660	660					100%			100%
82	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học La Hà Nghĩa Thương (8163717)	1,587					1,587		1,587				1,587	1,587					100%			100%
83	Đường thôn tuyến Lê Năm - Bùi Xuân Ba	7	7																			
84	123 TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2025, XÃ TƯ NGHĨA (THUỘC ĐỀ ÁN ĐƯỜNG HỖ TRỢ XI MĂNG) (8165344)	1,988					1,988		1,988				1,988	1,988					100%			100%
II	Dự phòng ngân sách																					
III	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới																					
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên								876									876				
V	Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau								20,470							20,470						

QUYẾT TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)
(Kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND xã Tư Nghĩa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm			Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán Bổ sung Điều chỉnh												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi SN kinh tế khác				
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=5/1
	Tổng	31,911,982,636			31,911,982,636	30,604,240,149	5,869,510,514					700,000,000		16,879,000		23,094,921,635	10,736,847,635	2,088,463,000	10,269,611,000	714,768,000	208,161,000		97.57%
1	Đường BTNT xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa; Tuyến: Nguyễn Thanh Hồng - Nguyễn Mau; Hạng mục: Nền, mặt đường + Thoát nước.	291,734,000			291,734,000	291,734,000										291,734,000	291,734,000						97.57%
2	Đường GTNT tuyến Trần Cỏ - Trạm 3	42,142,000			42,142,000	42,142,000										42,142,000	42,142,000						100%
3	Tuyến Trần Luân đi nghĩa địa Triều Châu.	3,687,000			3,687,000	3,687,000										3,687,000	3,687,000						99.21%
4	Kênh trạm bơm Đồng Cồn.	120,264,000			120,264,000	120,264,000										120,264,000		120,264,000					100%
5	Đường GTNT xã Nghĩa Hòa; Tuyến Trịnh Nền - Trần Hoàng, Trịnh Nỹ.	6,264,000			6,264,000	6,264,000										6,264,000	6,264,000						100%
6	Đường GTNT xã Nghĩa Hòa; Tuyến: Trần Hiền - Gò Khang.	9,963,000			9,963,000	9,963,000										9,963,000	9,963,000						100%
7	Đường GTNT xã Nghĩa Hòa; Tuyến: Nguyễn Thị Tích - Kênh N8-10.	4,084,000			4,084,000	4,084,000										4,084,000	4,084,000						70.19%
8	Xây dựng Trạm bơm Mương Kinh.	13,024,000			13,024,000	13,024,000										13,024,000		13,024,000					100%
9	Xây dựng mới khu thể thao xã Nghĩa Hòa.	6,690,000			6,690,000	6,690,000								6,690,000									92.69%
10	Đường Ngô Di chum kết - Mai Giàu	14,737,000			14,737,000	14,737,000										14,737,000	14,737,000						100%
11	Tuyến đường Trần Tiến Biên - Nguyễn Nhan	21,366,000			21,366,000	21,366,000										21,366,000	21,366,000						100%
12	Tường rào, công nghệ điểm trường Hòa Tân thuộc trường tiểu học Tây Hòa, xã Nghĩa Hòa	3,815,000			3,815,000	3,815,000	3,815,000																100%
13	Đường thôn tuyến Lê Năm- Bùi Xuân Ba	7,105,000			7,105,000																		100%
14	Đường thôn: Ba Đào - ông Mùi - Tân Quang	10,634,000			10,634,000	10,038,000										10,038,000	10,038,000						100%
15	Đường thôn: Tuyến Mai Xuân Hùng đi Ngô Đốc	55,549,000			55,549,000	55,549,000										55,549,000	55,549,000						99.76%
16	Đ. thôn: Tuyến Trần Quới đi Huỳnh Thái	112,905,000			112,905,000	112,905,000										112,905,000	112,905,000						100%
17	Sửa chữa nhà văn hóa xã Nghĩa Thương	700,000,000			700,000,000	700,000,000						700,000,000											100%
18	Đường Ông Mùi - Tân Quang - Phạm Tạo	440,000,000			440,000,000	399,559,000										399,559,000	399,559,000						100%
19	Nối dài kênh N8-10-1	200,000,000			200,000,000	164,432,000										164,432,000	164,432,000						100%
20	Đường Bờ kênh N8-VC8, xã Nghĩa Thương	531,627,000			531,627,000	531,627,000										531,627,000	531,627,000						100%
21	Tuyến từ Núi Ông Xeo đi Trần Văn Sơn; tuyến từ Trịnh Minh Tâm đi Lâm Văn Kiệt	370,000,000			370,000,000	368,625,000										368,625,000			368,625,000				100%
22	Điện chiếu sáng trên tuyến đường DH28, đoạn từ Chợ Thu Xà đến cầu Phú Nghĩa, xã Nghĩa Hòa	942,390,000			942,390,000	942,390,000										942,390,000			942,390,000				86.65%
23	Nâng cấp, sửa chữa vỉa hè dọc tường rào phía Bắc UBND xã Nghĩa Trung	280,000,000			280,000,000	251,265,400										251,265,400	251,265,400						98.67%
24	Điện chiếu sáng trên các tuyến đường trục chính xã Nghĩa Trung (Giai đoạn 2)	880,000,000			880,000,000	860,889,000										860,889,000			860,889,000				98.63%
25	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường La Hà- Thạch Trản(đoạn từ Nguyễn Khắc Dưỡng đến Đập Ba La)	145,800,000			145,800,000	145,800,000										145,800,000			145,800,000				91.57%
26	Trụ sở làm việc UBND xã Nghĩa Hòa; Hạng mục: Cổng, tường rào và các hạng mục phụ trợ khác	714,768,000			714,768,000	714,768,000														714,768,000			89.36%
27	Trang trí các tuyến đường Trung tâm thị trấn La Hà (các tuyến đường: Trần Kiên, Lê Quý Đôn, Từ Ty và Nguyễn Năng Lự)	1,150,000,000			1,150,000,000	1,096,575,000										1,096,575,000			1,096,575,000				97.66%
28	Bê tông tuyến Phạm Hữu Nhật (đoạn từ Đá Chẽ đi Cổng Hai Lành)	1,115,000,000			1,115,000,000	1,108,460,000										1,108,460,000			1,108,460,000				97.39%
29	Lát vỉa hè tuyến đường Phạm Trung Mưu	873,051,000			873,051,000	873,051,000										873,051,000			873,051,000				99.25%
30	Bê tông tuyến từ Nguyễn Bá - Ngô Thị Huệ - Phan Minh Đan	270,000,000			270,000,000	265,001,000										265,001,000			265,001,000				98.7%
31	Bê tông tuyến từ Nguyễn Huệ (QL1) đến Nguyễn Khắc Dưỡng	300,000,000			300,000,000	296,338,000										296,338,000			296,338,000				96.77%

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm			Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán Bổ sung Điều chỉnh												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi SN kinh tế khác				
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=5/1
32	Công viên cây xanh KDC thuộc dự án đường Trần Kiên	993,641,000			993,641,000	993,641,000										993,641,000			993,641,000				99.5%
33	Tu sửa Đài tưởng niệm, hàng mục sơn nhà bia, cổng ngõ, tường rào và dán gạch bốn hoa	250,000,000			250,000,000	201,318,000										201,318,000			201,318,000				99.01%
34	Điện chiếu sáng trên các tuyến đường trục chính từ cầu La Hà đi Nghĩa Thương (giai đoạn 2)	1,050,000,000			1,050,000,000	1,032,563,000										1,032,563,000			1,032,563,000				99.56%
35	Đường điện chiếu sáng xã Nghĩa Trung đi xã Nghĩa Phương	500,000,000			500,000,000	493,794,000										493,794,000			493,794,000				98.75%
36	KCH kênh N8-5A-3	320,000,000			320,000,000	317,573,000										317,573,000		317,573,000					98.49%
37	Nâng cấp mương thoát nước dọc tuyến đường Tư Nghĩa - Nghĩa Hành (Đoạn qua chợ Nghĩa Trung)	300,000,000			300,000,000	296,402,000										296,402,000	296,402,000						100%
38	KCH kênh N10-10KD	380,000,000			380,000,000	372,678,000										372,678,000		372,678,000					
39	Nâng cấp tuyến đường Ông Mũi đi Tân Quang	1,150,000,000			1,150,000,000	1,105,620,000										1,105,620,000	1,105,620,000						
40	Tuyến đường điện chiếu sáng từ Chùa Phú Thiện đi đập Tân Quang, xã Nghĩa Hòa	1,160,000,000			1,160,000,000	997,868,000										997,868,000			997,868,000				
41	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Nguyễn Tấn An-Sân bông đá- Nguyễn Phúc	850,000,000			850,000,000	833,715,000										833,715,000	833,715,000						
42	Đường GTNT xã Nghĩa Hòa, Tuyến chùa ông - Trần Phụ	35,011,000			35,011,000	35,011,000										35,011,000	35,011,000						
43	BTXM + Thoát nước tuyến đường từ kênh N8 đi đồng Năm Sào	17,621,000			17,621,000	17,620,600										17,620,600	17,620,600						
44	BTXM Tuyến ngõ 2 Huru - Đường Sắt	25,783,000			25,783,000	25,783,000										25,783,000	25,783,000						
45	Khu thể thao thôn An Hà 1	10,189,000			10,189,000	10,189,000								10,189,000									
46	KCH kênh Mương Vong -1 (kênh Bùng Bình)	404,973,000			404,973,000	384,736,000										384,736,000		384,736,000					
47	KCH Kênh N10-4-2KD	723,046,000			723,046,000	715,756,000										715,756,000		715,756,000					
48	21 tuyến đường giao thông nông thôn theo đề án hỗ trợ xi măng năm 2024	210,468,595			210,468,595	210,468,595										210,468,595	210,468,595						
49	28 tuyến đường GTNT theo đề án hỗ trợ xi măng năm 2024	225,547,440			225,547,440	225,547,440										225,547,440	225,547,440						
50	39 tuyến đường giao thông nông thôn năm 2024, xã Nghĩa Trung (Thuộc đề án đường hỗ trợ xi măng)	333,440,701			333,440,701	333,440,701										333,440,701	333,440,701						
51	Tuyến đường từ kênh N8 đi giáp đường Tân Nghĩa - Gò Bà Tré	1,100,300,000			1,100,300,000	1,018,646,000										1,018,646,000	1,018,646,000						
52	Điện chiếu sáng từ ngã ba Đào - Khánh Lạc	630,125,000			630,125,000	593,298,000										593,298,000			593,298,000				
53	Tuyến đường từ cầu Bà Tiên đi đập Tân Quang	1,150,000,000			1,150,000,000	1,136,348,000										1,136,348,000	1,136,348,000						
54	Đường trạm Bơm Đồng Cồn đi Huỳnh Thái, xã Nghĩa Hòa	1,137,500,000			1,137,500,000	1,095,287,000										1,095,287,000	1,095,287,000						
55	Sửa chữa via hè mặt trước Nghĩa trang Liệt sĩ xã Nghĩa Hòa	226,200,000			226,200,000	208,161,000															208,161,000		
56	Nhà đa năng trường THCS Nghĩa Trung	4,411,500,000			4,411,500,000	3,833,695,514	3,833,695,514																
57	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Sao Mai	445,000,000			445,000,000	445,000,000	445,000,000																
58	Nâng cấp tuyến đường từ Máy gạo Phan Quốc Hương đến nhà Hà Bảy, thôn Tân Hội	660,000,000			660,000,000	659,999,999										659,999,999	659,999,999						
59	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học La Hà Nghĩa Thương	1,587,000,000			1,587,000,000	1,587,000,000	1,587,000,000																
60	123 TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2025, XÃ TƯ NGHĨA (THUỘC ĐỀ ÁN ĐƯỜNG HỖ TRỢ XI MĂNG)	1,988,037,900			1,988,037,900	1,988,037,900										1,988,037,900	1,988,037,900						

QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND xã Tư Nghĩa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm			Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán Bổ sung Điều chỉnh												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Chi SN kinh tế khác				
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=5/1
	Tổng	212,949			212,949	204,812	113,196		938	1,449	8	685	84	269	1,314	4,864	398	4,157	310	52,503	29,501		96.18%
1	Trường Tiểu học La Hà Nghĩa Thương(1101886)	4,866			4,866	4,849	4,849																99.65%
2	Trường THCS Nghĩa Trung(1101889)	10,204			10,204	10,169	10,169																99.66%
3	Trường THCS Nghĩa Thương(1107497)	9,719			9,719	9,688	9,688																99.68%
4	Trường Tiểu học Phan Văn Đường(1107502)	7,702			7,702	7,668	7,668																99.56%
5	Trường Tiểu học Điện An(1107504)	6,829			6,829	6,801	6,801																99.59%
6	Trường Tiểu Học Châu Phú Điền(1107505)	6,968			6,968	6,914	6,914																99.23%
7	Trường THCS Nghĩa Hòa(1111770)	9,323			9,323	9,179	9,179																98.46%
8	Trường Mầm non Hòa Mi(1112692)	6,473			6,473	6,443	6,443																99.54%
9	Trường Tiểu học Tân An(1112693)	4,589			4,589	4,567	4,567																99.52%
10	Trường Mầm non Nghĩa Hòa(1115758)	5,723			5,723	5,513	5,513																96.33%
11	Trường Mầm non Hoa Sen(1115806)	3,839			3,839	3,833	3,833																99.84%
12	Trường Mầm non Nghĩa Thương(1115808)	6,284			6,284	6,249	6,249																99.44%

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Bao gồm			Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán Bổ sung Điều chỉnh												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi SN kinh tế khác				
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=5/1
13	Trường Mầm non Nghĩa Trung(1116092)	6,098			6,098	5,976	5,976																98%
14	Trường Mầm non Sao Mai(1116545)	3,931			3,931	3,915	3,915																99.59%
15	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở La Hà(1133211)	21,125			21,125	21,054	21,054																99.66%
16	Ủy ban nhân dân xã Tư Nghĩa(1144063)	23,049			23,049	23,049			776	582	8	317	34	109	1,096	1,664	398	1,244	23	16,584	1,878		100%
17	ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ TƯ NGHĨA(1157043)	3,649			3,649	3,613														3,613			99.01%
18	Phòng Kinh tế xã Tư Nghĩa(1157561)	10,434			10,434	8,310				5					31	595		308	287	1,783	5,897		79.64%
19	VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY XÃ TƯ NGHĨA(1157624)	6,517			6,517	6,430														6,430			98.67%
20	Văn phòng hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Tư Nghĩa(1157898)	6,480			6,480	6,288			162	862										5,263			97.04%
21	Trung tâm Phục vụ Hành Chính công xã Tư Nghĩa(1159464)	850			850	839														839			98.71%
22	Phòng Văn hoá - Xã hội xã Tư Nghĩa(1159466)	44,851			44,851	40,051	378					284								17,663	21,726		89.3%
23	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã Tư Nghĩa(1160737)	3,120			3,120	3,120						84	50	160	187	2,605		2,605		34			100%
24	TRUNG TÂM CHÍNH TRỊ XÃ TƯ NGHĨA(1165052)	326			326	294														294			90.18%

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGÂN SÁCH XÃ
CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND xã Tư Nghĩa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm				Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm (kể cả số ghi thu, ghi chi)	Giảm trừ trong năm (nếu có)			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3+4-5	2	3	4	5	6	7=1-6	8	9
	Tổng	31,911,982,636			31,911,982,636		30,604,240,149	1,307,742,487	797,716,887	510,025,600
1	Đường BTNT xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa; Tuyến: Nguyễn Thanh Hồng - Nguyễn Mau; Hạng mục: Nền, mặt đường + Thoát nước.	291,734,000			291,734,000		291,734,000			
2	Đường GTNT tuyến Trần Có - Trạm 3	42,142,000			42,142,000		42,142,000			
3	Tuyến Trần Luân đi nghĩa địa Triều Châu.	3,687,000			3,687,000		3,687,000			
4	Kênh trạm bơm Đồng Cồn.	120,264,000			120,264,000		120,264,000			
5	Đường GTNT xã Nghĩa Hòa; Tuyến Trịnh Nền - Trần Hoàng, Trịnh Nỹ.	6,264,000			6,264,000		6,264,000			
6	Đường GTNT xã Nghĩa Hòa; Tuyến: Trần Hiền - Gò Khang.	9,963,000			9,963,000		9,963,000			
7	Đường GTNT xã Nghĩa Hòa; Tuyến: Nguyễn Thị Tích - Kênh N8-10.	4,084,000			4,084,000		4,084,000			
8	Xây dựng Trạm bơm Mương Kinh.	13,024,000			13,024,000		13,024,000			
9	Xây dựng mới khu thể thao xã Nghĩa Hòa.	6,690,000			6,690,000		6,690,000			
10	Đường Ngõ Di chum kết - Mai Giàu	14,737,000			14,737,000		14,737,000			
11	Tuyến đường Trần Tiến Biền - Nguyễn Nhận	21,366,000			21,366,000		21,366,000			
12	Tường rào, cổng ngõ điểm trường Hòa Tân thuộc trường tiểu học Tây Hòa, xã Nghĩa Hòa	3,815,000			3,815,000		3,815,000			
13	Đường thôn tuyến Lê Năm- Bùi Xuân Ba	7,105,000			7,105,000			7,105,000		7,105,000
14	Đường thôn: Ba Đào - ông Mùi - Tân Quang	10,634,000			10,634,000		10,038,000	596,000		596,000
15	Đường thôn: Tuyến Mai Xuân Hùng đi Ngõ Đốc	55,549,000			55,549,000		55,549,000			
16	Đ. thôn: Tuyến Trần Quới đi Huỳnh Thái	112,905,000			112,905,000		112,905,000			
17	Sửa chữa nhà văn hóa xã Nghĩa Thương	700,000,000			700,000,000		700,000,000			
18	Đường Ông Mùi - Tân Quang - Phạm Tạo	440,000,000			440,000,000		399,559,000	40,441,000		40,441,000
19	Nối dài kênh N8-10-1	200,000,000			200,000,000		164,432,000	35,568,000		35,568,000
20	Đường Bờ kênh N8-VC8, xã Nghĩa Thương	531,627,000			531,627,000		531,627,000			
21	Tuyến từ Núi Ông Xeo đi Trần Văn Sơn; tuyến từ Trịnh Minh Tâm đi Lâm Văn Kiệt	370,000,000			370,000,000		368,625,000	1,375,000		1,375,000
22	Điện chiếu sáng trên tuyến đường ĐH28, đoạn từ Chợ Thu Xà đến cầu Phú Nghĩa, xã Nghĩa Hòa	942,390,000			942,390,000		942,390,000			
23	Nâng cấp, sửa chữa vỉa hè dọc tường rào phía Bắc UBND xã Nghĩa Trung	280,000,000			280,000,000		251,265,400	28,734,600		28,734,600
24	Điện chiếu sáng trên các tuyến đường trục chính xã Nghĩa Trung (Giai đoạn 2)	880,000,000			880,000,000		860,889,000	19,111,000		19,111,000
25	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường La Hà- Thạch Trản(đoạn từ Nguyễn Khắc Dưỡng đến Đập Ba La)	145,800,000			145,800,000		145,800,000			
26	Trụ sở làm việc UBND xã Nghĩa Hòa; Hạng mục: Công, tường rào và các hạng mục phụ trợ khác	714,768,000			714,768,000		714,768,000			
27	Trang trí các tuyến đường Trung tâm thị trấn La Hà (các tuyến đường: Trần Kiên, Lê Quý Đôn, Từ Ty và Nguyễn Năng Lự)	1,150,000,000			1,150,000,000		1,096,575,000	53,425,000		53,425,000
28	Bê tông tuyến Phạm Hữu Nhật (đoạn từ Đá Chẽ đi Cổng Hai Lành)	1,115,000,000			1,115,000,000		1,108,460,000	6,540,000		6,540,000

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm				Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm (kể cả số ghi thu, ghi chi)	Giảm trừ trong năm (nếu có)			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	I=2+3+4-5	2	3	4	5	6	7=I-6	8	9
29	Lát vỉa hè tuyến đường Phạm Trung Mưu	873,051,000			873,051,000		873,051,000			
30	Bê tông tuyến từ Nguyễn Bá - Ngô Thị Huệ - Phan Minh Đan	270,000,000			270,000,000		265,001,000	4,999,000		4,999,000
31	Bê tông tuyến từ Nguyễn Huệ (QL1) đến Nguyễn Khắc Đường	300,000,000			300,000,000		296,338,000	3,662,000		3,662,000
32	Công viên cây xanh KDC thuộc dự án đường Trần Kiên	993,641,000			993,641,000		993,641,000			
33	Tu sửa Đài tưởng niệm, hạng mục sơn nhà bia, cổng ngõ, tường rào và dán gạch bốn hoa	250,000,000			250,000,000		201,318,000	48,682,000		48,682,000
34	Điện chiếu sáng trên các tuyến đường trục chính từ cầu La Hà đi Nghĩa thương (giai đoạn 2)	1,050,000,000			1,050,000,000		1,032,563,000	17,437,000		17,437,000
35	Đường điện chiếu sáng xã Nghĩa Trung đi xã Nghĩa Phương	500,000,000			500,000,000		493,794,000	6,206,000		6,206,000
36	KCH kênh N8-5A-3	320,000,000			320,000,000		317,573,000	2,427,000		2,427,000
37	Nâng cấp mương thoát nước dọc tuyến đường Tư Nghĩa - Nghĩa Hành (Đoạn qua chợ Nghĩa Trung)	300,000,000			300,000,000		296,402,000	3,598,000		3,598,000
38	KCH kênh N10-10KD	380,000,000			380,000,000		372,678,000	7,322,000		7,322,000
39	Nâng cấp tuyến đường Ông Mùi đi Tân Quang	1,150,000,000			1,150,000,000		1,105,620,000	44,380,000		44,380,000
40	Tuyến đường điện chiếu sáng từ Chùa Phú Thiện đi đập Tân Quang, xã Nghĩa Hòa	1,160,000,000			1,160,000,000		997,868,000	162,132,000		162,132,000
41	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Nguyễn Tấn An-Sân bóng đá- Nguyễn Phục	850,000,000			850,000,000		833,715,000	16,285,000		16,285,000
42	Đường GTNT xã Nghĩa Hòa, Tuyến chùa ông - Trần Phụ	35,011,000			35,011,000		35,011,000			
43	BTXM + Thoát nước tuyến đường từ kênh N8 đi đồng Năm Sào	17,621,000			17,621,000		17,620,600	400	400	
44	BTXM Tuyến ngõ 2 Hư - Đường Sắt	25,783,000			25,783,000		25,783,000			
45	Khu thể thao thôn An Hà 1	10,189,000			10,189,000		10,189,000			
46	KCH kênh Mương Vọng -1 (kênh Bùng Bình)	404,973,000			404,973,000		384,736,000	20,237,000	20,237,000	
47	KCH Kênh N10-4-2KD	723,046,000			723,046,000		715,756,000	7,290,000	7,290,000	
48	21 tuyến đường giao thông nông thôn theo đề án hỗ trợ xi măng năm 2024	210,468,595			210,468,595		210,468,595			
49	28 tuyến đường GTNT theo đề án hỗ trợ xi măng năm 2024	225,547,440			225,547,440		225,547,440			
50	39 tuyến đường giao thông nông thôn năm 2024, xã Nghĩa Trung (Thuộc đề án đường hỗ trợ xi măng)	333,440,701			333,440,701		333,440,701			
51	Tuyến đường từ kênh N8 đi giáp đường Tân Nghĩa - Gò Bà Trê	1,100,300,000			1,100,300,000		1,018,646,000	81,654,000	81,654,000	
52	Điện chiếu sáng từ ngã ba Đào - Khánh Lạc	630,125,000			630,125,000		593,298,000	36,827,000	36,827,000	
53	Tuyến đường từ cầu Bà Tiên đi đập Tân Quang	1,150,000,000			1,150,000,000		1,136,348,000	13,652,000	13,652,000	
54	Đường trạm Bơm Đồng Cồn đi Huỳnh Thái, xã Nghĩa Hòa	1,137,500,000			1,137,500,000		1,095,287,000	42,213,000	42,213,000	
55	Sửa chữa vỉa hè mặt trước Nghĩa trang Liệt sĩ xã Nghĩa Hòa	226,200,000			226,200,000		208,161,000	18,039,000	18,039,000	
56	Nhà đa năng trường THCS Nghĩa Trung	4,411,500,000			4,411,500,000		3,833,695,514	577,804,486	577,804,486	
57	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Sao Mai	445,000,000			445,000,000		445,000,000			
58	Nâng cấp tuyến đường từ Máy gạo Phan Quốc Hương đến nhà Hà Bảy, thôn Tân Hội	660,000,000			660,000,000		659,999,999	1	1	
59	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học La Hà Nghĩa Thương	1,587,000,000			1,587,000,000		1,587,000,000			
60	123 TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2025, XÃ TƯ NGHĨA (THUỘC ĐỀ ÁN ĐƯỜNG HỖ TRỢ XI MĂNG)	1,988,037,900			1,988,037,900		1,988,037,900			

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH XÃ
CỦA TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO NGUỒN VỐN NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)
(Kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND xã Tư Nghĩa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán được cấp	Bao gồm				Kinh phí thực hiện trong năm	Nguồn còn lại	Trong đó	
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong năm (kể cả số ghi thu, ghi chi)	Giảm trừ trong năm (nếu có)			Chuyển nguồn năm sau	Hủy bỏ
A	B	1=2+3+4-5	2	3	4	5	6	7=1-6	8	9
	Tổng cộng	212,949			212,949		204,812	8,137	5,128	3,009
1	Trường Tiểu học La Hà Nghĩa Thương(1101886)	4,866			4,866		4,849	17		17
2	Trường THCS Nghĩa Trung(1101889)	10,204			10,204		10,169	35		35
3	Trường THCS Nghĩa Thương(1107497)	9,719			9,719		9,688	31		31
4	Trường Tiểu học Phan Văn Đường(1107502)	7,702			7,702		7,668	34		34
5	Trường Tiểu học Điện An(1107504)	6,829			6,829		6,801	28		28
6	Trường Tiểu Học Châu Phú Điền(1107505)	6,968			6,968		6,914	54		54
7	Trường THCS Nghĩa Hòa(1111770)	9,323			9,323		9,179	144		144
8	Trường Mầm non Hòa Mi(1112692)	6,473			6,473		6,443	30		30
9	Trường Tiểu học Tân An(1112693)	4,589			4,589		4,567	22		22
10	Trường Mầm non Nghĩa Hòa(1115758)	5,723			5,723		5,513	210		210
11	Trường Mầm non Hoa Sen(1115806)	3,839			3,839		3,833	6		6
12	Trường Mầm non Nghĩa Thương(1115808)	6,284			6,284		6,249	35		35
13	Trường Mầm non Nghĩa Trung(1116092)	6,098			6,098		5,976	122		122
14	Trường Mầm non Sao Mai(1116545)	3,931			3,931		3,915	16		16
15	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở La Hà(1133211)	21,125			21,125		21,054	71		71
16	Ủy ban nhân dân xã Tư Nghĩa(1144063)	23,049			23,049		23,049			
17	ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ TƯ NGHĨA(1157043)	3,649			3,649		3,613	36		36
18	Phòng Kinh tế xã Tư Nghĩa(1157561)	10,434			10,434		8,310	2,124	1,175	949
19	VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY XÃ TƯ NGHĨA(1157624)	6,517			6,517		6,430	87	11	76
20	Văn phòng hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân xã Tư Nghĩa(1157898)	6,480			6,480		6,288	192		192
21	Trung tâm Phục vụ Hành Chính công xã Tư Nghĩa(1159464)	850			850		839	11		11
22	Phòng Văn hoá - Xã hội xã Tư Nghĩa(1159466)	44,851			44,851		40,051	4,800	3,942	858
23	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã Tư Nghĩa(1160737)	3,120			3,120		3,120			
24	TRUNG TÂM CHÍNH TRỊ XÃ TƯ NGHĨA(1165052)	326			326		294	32		32

*** Bao gồm chi thường xuyên + vốn sự nghiệp CTMT QG

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG ĐỊA BÀN 2025
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)
(Kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND xã Tư Nghĩa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Trong đó Dự toán										Trong đó Quyết toán										Chi nộp trả	Chi chuyển nguồn sang năm sau	So sánh			
		Tổng số Dự toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Tổng số Quyết toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG								
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó										
				Chi giáo dục đào tạo đạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo đạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên			Chi giáo dục đào tạo đạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=11/1	24=12/2	25=15/5	26=18/8
	Tổng	244,860	16,625	4		209,693	114,018		18,542	15,286	3,256	235,416	16,115			202,371	113,151		16,930	14,489	2,441	876	20,470	92.71%	95.22%	91.68%	96.84%
1	Trường Tiểu học La Hà Nghĩa Thương(1101886)	4,866				4,866	4,866					4,849				4,849	4,849							99.71%		99.71%	
2	Trường THCS Nghĩa Trung(1101889)	10,204				10,204	10,204					10,169				10,169	10,169							99.86%		99.86%	
3	Trường THCS Nghĩa Thương(1107497)	9,719				9,719	9,719					9,688				9,688	9,688							99.73%		99.73%	
4	Trường Tiểu học Phan Văn Đường(1107502)	7,702				7,702	7,702					7,668				7,668	7,668							99.67%		99.67%	
5	Trường Tiểu học Điện An(1107504)	6,829				6,829	6,829					6,801				6,801	6,801							99.73%		99.73%	
6	Trường Tiểu Học Châu Phú Điền(1107505)	6,968				6,968	6,968					6,914				6,914	6,914							99.62%		99.62%	
7	Trường THCS Nghĩa Hòa(1111770)	9,323				9,323	9,323					9,179				9,179	9,179							99.7%		99.7%	
8	Trường Mầm non Họa Mĩ(1112692)	6,473				6,473	6,473					6,443				6,443	6,443							99.31%		99.31%	
9	Trường Tiểu học Tân An(1112693)	4,589				4,589	4,589					4,567				4,567	4,567							99.72%		99.72%	
10	Trường Mầm non Nghĩa Hòa(1115758)	5,723				5,723	5,723					5,513				5,513	5,513							99.4%		99.4%	
11	Trường Mầm non Hoa Sen(1115806)	3,839				3,839	3,839					3,833				3,833	3,833							68.47%		67.81%	11.11%
12	Trường Mầm non Nghĩa Thương(1115808)	6,284				6,284	6,284					6,249				6,249	6,249							98.47%		98.53%	98.4%
13	Trường Mầm non Nghĩa Trung(1116092)	6,098				6,098	6,098					5,976				5,976	5,976							93.89%		93.89%	
14	Trường Mầm non Sao Mai(1116545)	3,931				3,931	3,931					3,915				3,915	3,915							80.98%		82.03%	59.46%
15	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở La Hà(1133211)	21,125				21,125	21,125					21,054				21,054	21,054							82.91%		82.91%	
16	1144063 - Ủy ban nhân dân xã Tư Nghĩa	23,049				23,049						23,049				23,049					330			101.43 %		100%	
17	ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ TƯ NGHĨA(1157043)	3,649				3,649						3,613				3,613								92.85%		93.27%	44.56%
18	Phòng Kinh tế xã Tư Nghĩa(1157561)	10,434				10,434						8,310				8,310								100%		100%	

STT	Tên đơn vị	Trong đó Dự toán										Trong đó Quyết toán										Chi nộp trả	Chi chuyển nguồn sang năm sau	So sánh				
		Tổng số Dự toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Tổng số Quyết toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG					Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi CTMT QG	
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó											
				Chi giáo dục đào tạo đầy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo đầy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên			Chi giáo dục đào tạo đầy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên										
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=11/1	24=12/2	25=15/5	26=18/8	
19	VĂN PHÒNG ĐẢNG ỦY XÃ TƯ NGHĨA (1157624)	6,517				6,517						6,430				6,430												
20	Văn phòng hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân xã Tư Nghĩa(1157898)	6,480				6,221			259		259	6,288				6,077			211		211				100%	100%		
21	Trung tâm Phục vụ Hành Chính công xã Tư Nghĩa(1159464)	850				850						839				839									99.21%	99.21%		
22	Phòng Văn hoá - Xã hội xã Tư Nghĩa(1159466)	44,851				43,929	345		922		922	40,051				39,856	333		195		195				100%	100%		
23	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã Tư Nghĩa(1160737)	3,120				1,045			2,075		2,075	3,120				1,085			2,035		2,035				100%	100%		
24	TRUNG TÂM CHÍNH TRỊ XÃ TƯ NGHĨA(1165052)	326				326						294				294									100%	100%		
25	2821235 - Mã tổ chức ngân sách Xã Tư Nghĩa																				546	20,470						
25	Đường BTNT xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa; Tuyến: Nguyễn Thanh Hồng - Nguyễn Mau; Hạng mục: Nền, mặt đường + Thoát nước.(7429616)	292	292									292	292												70.19%	70.19%		
26	Đường GTNT tuyến Trần Cố - Trạm 3(7472773)	42	42									42	42												100%	100%		
27	Tuyến Trần Luân đi nghĩa địa Triều Châu.(7472781)	4	4									4	4												92.69%	92.69%		
28	Kênh trạm bơm Đồng Côn.(7472785)	120	120									120	120												100%	100%		
29	Đường GTNT xã Nghĩa Hòa; Tuyến Trịnh Nền - Trần Hoàng, Trịnh Nữ.(7485056)	6	6									6	6												100%			100%
30	Đường GTNT xã Nghĩa Hòa; Tuyến Chùa Ông - Trần Phụ.(7485060)	35	35									35	35												100%	100%		
31	Đường GTNT xã Nghĩa Hòa; Tuyến: Trần Hiền - Gò Khang.(7485105)	10	10									10	10												100%			100%
32	Đường GTNT xã Nghĩa Hòa; Tuyến: Nguyễn Thị Tích - Kênh N8- 10.(7485110)	4	4									4	4												100%			100%

STT	Tên đơn vị	Trong đó Dự toán										Trong đó Quyết toán										Chi nộp trả	Chi chuyển nguồn sang năm sau	So sánh			
		Tổng số Dự toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Tổng số Quyết toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG					Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi CTMT QG
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó										
				Chi giáo dục đào tạo đầy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo đầy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên			Chi giáo dục đào tạo đầy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=11/1	24=12/2	25=15/5	26=18/8
33	Xây dựng Trạm bơm Mường Kinh.(7488963)	13	13									13	13											99.76%			99.76%
34	Xây dựng mới khu thể thao xã Nghĩa Hòa.(7488968)	7	7									7	7											100%			100%
35	Đường Ngõ Di chùm kết - Mai Giàu(7524522)	15	15									15	15											100%			100%
36	Tuyến đường Trần Tiến Biển - Nguyễn Nhạn(7524537)	21	21									21	21											100%			100%
37	Tường rào, cổng ngõ điểm trường Hòa Tân thuộc trường tiểu học Tây Hòa, xã Nghĩa Hòa(7575075)	4	4	4								4	4											100%			100%
38	Đường thôn: Ba Đào - ông Mùi - Tân Quang(7693680)	11	11									10	10											100%			100%
39	Đường thôn: Tuyến Mai Xuân Hùng đi Ngõ Đốc(7747423)	56	56									56	56											100%			100%
40	Đ. thôn: Tuyến Trần Quới đi Huỳnh Thái(7813050)	113	113									113	113											86.65%			86.65%
41	Sửa chữa nhà văn hóa xã Nghĩa Thương(7979112)	700	700									700	700											98.67%			98.67%
42	BTXM + Thoát nước tuyến đường từ kênh N8 đi đồng Năm Sào(8023239)	18					18	18				18							18	18				98.63%			98.63%
43	Đường Ông Mùi - Tân Quang - Phạm Tạo(8025080)	440	440									400	400											91.57%	91.57%		
44	BTXM Tuyến ngõ 2 Hư - Đường Sắt(8026716)	26					26	26				26							26	26				89.36%	89.36%		
45	Khu thể thao thôn An Hà 1(8031706)	10					10	10				10							10	10				97.66%			97.66%
46	Nối dài kênh N8-10- 1(8073398)	200	200									164	164											97.39%			97.39%
47	Đường Bơ kênh N8-V.C.8, xã Nghĩa Thương(8081076)	532	532									532	532											99.25%			99.25%
48	KCH kênh Mường Vọng - 1 (kênh Bùng Bình)(8084943)	405					405	405				385							385	385				98.7%			98.7%
49	KCH Kênh N10-4- 2KD(8088253)	723					723	723				716							716	716				96.77%	96.77%		

STT	Tên đơn vị	Trong đó Dự toán										Trong đó Quyết toán										Chi nộp trả	Chi chuyển nguồn sang năm sau	So sánh			
		Tổng số Dự toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Tổng số Quyết toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG					Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi CTMT QG
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó							
				Chi giáo dục đào tạo đầy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo đầy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên			Chi giáo dục đào tạo đầy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=11/1	24=12/2	25=15/5	26=18/8
50	Tuyển từ Núi Ông Xeo đi Trần Văn Sơn; tuyển từ Trịnh Minh Tâm đi Lâm Văn Kiệt(8102244)	370	370									369	369											99.5%	99.5%		
51	21 tuyến đường giao thông nông thôn theo đề án hỗ trợ xi măng năm 2024(8102410)	210							210	210		210							210	210				99.01%			99.01%
52	28 tuyến đường GTNT theo đề án hỗ trợ xi măng năm 2024(8102497)	226							226	226		226							226	226				99.56%			99.56%
53	Điện chiếu sáng trên tuyến đường ĐH28, đoạn từ Chợ Thu Xã đến cầu Phú Nghĩa, xã Nghĩa Hòa(8103800)	942	942									942	942											98.75%			98.75%
54	39 tuyến đường giao thông nông thôn năm 2024, xã Nghĩa Trung (Thuộc đề án đường hỗ trợ xi măng)(8104265)	333							333	333		333							333	333				98.49%	98.49%		
55	Nâng cấp, sửa chữa via hè dọc tường rào phía Bắc UBND xã Nghĩa Trung(8108113)	280	280									251	251											100%			100%
56	Điện chiếu sáng trên các tuyến đường trục chính xã Nghĩa Trung (Giai đoạn 2)(8108116)	880	880									861	861											100%		100%	
57	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường La Hà- Thạch Trản(đoạn từ Nguyễn Khắc Dưỡng đến Đập Ba La)(8110805)	146	146									146	146														
58	Trụ sở làm việc UBND xã Nghĩa Hòa; Hàng mục: Công, tường rào và các hạng mục phụ trợ khác(8120778)	715	715									715	715														
59	Trang trí các tuyến đường Trung tâm thị trấn La Hà (các tuyến đường: Trần Kiên, Lê Quý Đôn, Từ Ty và Nguyễn Năng Lự)(8129265)	1,150	1,150									1,097	1,097														
60	Tuyến đường từ kênh N8 đi giáp đường Tân Nghĩa - Gò Bà Trê(8133548)	1,100							1,100	1,100		1,019							1,019	1,019							

STT	Tên đơn vị	Trong đó Dự toán										Trong đó Quyết toán										Chi nộp trả	Chi chuyển nguồn sang năm sau	So sánh			
		Tổng số Dự toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Tổng số Quyết toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG					Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi CTMT QG
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó										
				Chi giáo dục đào tạo đầy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo đầy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên			Chi giáo dục đào tạo đầy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=11/1	24=12/2	25=15/5	26=18/8
61	Điện chiếu sáng từ ngã ba Đào - Khánh Lạc(81371453)	630							630	630		593							593	593							
62	Bê tông tuyến Phạm Hữu Nhật (đoạn từ Đá Chẽ đi Cổng Hai Lành)(8137254)	1,115	1,115									1,108	1,108														
63	Lát vỉa hè tuyến đường Phạm Trung Mưu(8138267)	873	873									873	873														
64	Bê tông tuyến từ Nguyễn Bá - Ngô Thị Huệ - Phan Mính Đan(8138269)	270	270									265	265														
65	Bê tông tuyến từ Nguyễn Huệ (QL1) đến Nguyễn Khắc Dưỡng(8138271)	300	300									296	296														
66	Tuyến đường từ cầu Bà Tiền đi đập Tân Quang(8138273)	1,150							1,150	1,150		1,136							1,136	1,136							
67	Công viên cây xanh KDC thuộc dự án đường Trần Kiên(8138373)	994	994									994	994														
68	Tu sửa Đài tưởng niệm, hạng mục sơn nhà bia, công ngõ, tường rào và đán gạch bồn hoa(8138374)	250	250									201	201														
69	Đường trạm Bơm Đồng Cồn đi Huỳnh Thái, xã Nghĩa Hòa(8138390)	1,138							1,138	1,138		1,095							1,095	1,095							
70	Điện chiếu sáng trên các tuyến đường trục chính từ cầu La Hà đi Nghĩa thương (giai đoạn 2) (8140284)	1,050	1,050									1,030	1,030														
71	Đường điện chiếu sáng xã Nghĩa Trung đi xã Nghĩa Phương(8145490)	500	500									494	494														
72	Sửa chữa vỉa hè mặt trước Nghĩa trang Liệt sĩ xã Nghĩa Hòa(8145496)	226							226	226		208							208	208							
73	Nhà đa năng trường THCS Nghĩa Trung(8145861)	4,412							4,412	4,412		3,834							3,834	3,834							
74	KCH kênh N8-5A- 3(8146356)	320	320									318	318														

STT	Tên đơn vị	Trong đó Dự toán										Trong đó Quyết toán										Chi nộp trả	Chi chuyển nguồn sang năm sau	So sánh			
		Tổng số Dự toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Tổng số Quyết toán	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG								
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó										
				Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên			Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên									
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=11/1	24=12/2	25=15/5	26=18/8
75	Nâng cấp mương thoát nước dọc tuyến đường Tư Nghĩa - Nghĩa Hành (Đoạn qua chợ Nghĩa Trung)(8146358)	300	300									296	296														
76	KCH kênh N10-10KD(8146359)	380	380									373	373														
77	Nâng cấp tuyến đường Ông Múi đi Tân Quang(8148476)	1,150	1,150									1,106	1,106														
78	Tuyến đường điện chiếu sáng từ Chùa Phú Thiện đi đập Tân Quang, xã Nghĩa Hòa(8148915)	1,160	1,160									998	998														
79	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Nguyễn Tấn An-Sân bóng đá- Nguyễn Phục(8155437)	850	850									834	834														
80	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Sao Mai(8163715)	445							445	445		445							445	445							
81	Nâng cấp tuyến đường từ Máy gạo Phan Quốc Hương đến nhà Hà Bảy, thôn Tân Hội(8163716)	660							660	660		660							660	660							
82	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học La Hà Nghĩa Thương(8163717)	1,587							1,587	1,587		1,587							1,587	1,587							
83	Đường thôn tuyến Lê Năm - Bùi Xuân Ba	7	7																								
84	123 TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2025, XÃ TƯ NGHĨA (THUỘC ĐỀ ÁN ĐƯỜNG HỖ TRỢ XI MĂNG)(8165344)	1,988							1,988	1,988		1,988							1,988	1,988							

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI CTMT-QG NHÀ NƯỚC THEO MLNS NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND xã Tư Nghĩa)

Đơn vị tính: đồng

STT	Chi tiêu	KP giảm, nộp trả	Trong đó		Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau	Trong đó		Ghi chú
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	
A	B	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng số				1,613,062,068		1,613,062,068	
1	<u>Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (00470)</u>				785,768,181		785,768,181	
1.1	Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo nguồn vốn ngân sách trung ương (10472)							
	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã Tư Nghĩa (1160737)							
1.2	Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng nguồn vốn ngân sách trung ương (10473)				86,000,000		86,000,000	
	Phòng Văn hoá - Xã hội xã Tư Nghĩa (1159466)				86,000,000		86,000,000	
1.3	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững nguồn vốn ngân sách trung ương (10474)				541,000,000		541,000,000	
	Phòng Văn hoá - Xã hội xã Tư Nghĩa (1159466)				541,000,000		541,000,000	
1.4	Truyền thông và giảm nghèo về thông tin nguồn vốn ngân sách trung ương (10476)							
	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã Tư Nghĩa (1160737)							
1.5	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình nguồn vốn ngân sách trung ương (10477)				39,141,481		39,141,481	
	Văn phòng hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân xã Tư Nghĩa (1157898)				39,141,481		39,141,481	nộp rồi
1.6	Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20472)				10,606,700		10,606,700	
	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã Tư Nghĩa (1160737)				10,606,700		10,606,700	nộp rồi
1.7	Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20473)				12,000,000		12,000,000	
	Phòng Văn hoá - Xã hội xã Tư Nghĩa (1159466)				12,000,000		12,000,000	
1.8	Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20474)				88,000,000		88,000,000	
	Phòng Văn hoá - Xã hội xã Tư Nghĩa (1159466)				88,000,000		88,000,000	
1.9	Truyền thông và giảm nghèo về thông tin nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20476)				20,000		20,000	

STT	Chỉ tiêu	KP giảm, nộp trả	Trong đó		Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau	Trong đó		Ghi chú
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	
A	B	14	15	16	17	18	19	20
	<i>Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã Tư Nghĩa (1160737)</i>				20,000		20,000	
1.10	Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20477)				9,000,000		9,000,000	
	<i>Văn phòng hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân xã Tư Nghĩa (1157898)</i>				9,000,000		9,000,000	
2	<u>Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (00490)</u>				827,293,887		827,293,887	
2.1	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách trung ương (10492)				17,506,801		17,506,801	
	<i>BTXM + Thoát nước tuyến đường từ kênh N8 đi đồng Năm Sào (8023239)</i>				400		400	
	<i>BTXM Tuyến ngõ 2 Hưu - Đường Sắt (8026716)</i>							
	<i>Khu thể thao thôn An Hà 1 (8031706)</i>							
	<i>KCH kênh Mương Vọng -1 (kênh Bùng Bình) (8084943)</i>							
	<i>KCH Kênh N10-4-2KD (8088253)</i>							
	<i>Tuyến đường từ kênh N8 đi giáp đường Tân Nghĩa - Gò Bà Trê (8133548)</i>							
	<i>Điện chiếu sáng từ ngã ba Đào - Khánh Lạc (8137145)</i>				17,506,400		17,506,400	
	<i>Sửa chữa vỉa hè mặt trước Nghĩa trang Liệt sĩ xã Nghĩa Hòa (8145496)</i>							
	<i>Nhà đa năng trường THCS Nghĩa Trung (8145861)</i>							
	<i>Nâng cấp tuyến đường từ Máy gạo Phan Quốc Hương đến nhà Hà Bảy, thôn Tân Hội (8163716)</i>				1		1	
	<i>Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học La Hà Nghĩa Thương (8163717)</i>							
2.2	Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20492)				780,210,086		780,210,086	
	<i>KCH kênh Mương Vọng -1 (kênh Bùng Bình) (8084943)</i>				20,237,000		20,237,000	
	<i>KCH Kênh N10-4-2KD (8088253)</i>				7,290,000		7,290,000	
	<i>21 tuyến đường giao thông nông thôn theo đề án hỗ trợ xi măng năm 2024 (8102410)</i>							

STT	Chỉ tiêu	KP giảm, nộp trả	Trong đó		Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau	Trong đó		Ghi chú
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	
A	B	14	15	16	17	18	19	20
	28 tuyến đường GTNT theo đề án hỗ trợ xi măng năm 2024 (8102497)							
	39 tuyến đường giao thông nông thôn năm 2024, xã Nghĩa Trung (Thuộc đề án đường hỗ trợ xi măng) (8104265)							
	Tuyến đường từ kênh N8 đi giáp đường Tân Nghĩa - Gò Bà Tré (8133548)				81,654,000		81,654,000	
	Điện chiếu sáng từ ngã ba Đào - Khánh Lạc (8137145)				19,320,600		19,320,600	
	Tuyến đường từ cầu Bà Tiên đi đập Tân Quang (8138273)				13,652,000		13,652,000	
	Đường trạm Bơm Đồng Cồn đi Huỳnh Thái, xã Nghĩa Hòa (8138390)				42,213,000		42,213,000	
	Sửa chữa vỉa hè mặt trước Nghĩa trang Liệt sĩ xã Nghĩa Hòa (8145496)				18,039,000		18,039,000	
	Nhà đa năng trường THCS Nghĩa Trung (8145861)				577,804,486		577,804,486	
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Sao Mai (8163715)							
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học La Hà Nghĩa Thương (8163717)							
	123 TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN NĂM 2025, XÃ TƯ NGHĨA (THUỘC ĐỀ ÁN ĐƯỜNG HỖ TRỢ XI MĂNG) (8165344)							
2.3	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình (20493)				26,565,000		26,565,000	
	Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã Tư Nghĩa (1160737)				26,565,000		26,565,000	
2.4	Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20496)							
	Phòng Văn hoá - Xã hội xã Tư Nghĩa (1159466)							
2.5	Nâng cao chất lượng môi trường xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh (20497)				2,964,000		2,964,000	

STT	Chỉ tiêu	KP giảm, nộp trả	Trong đó		Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm sau	Trong đó		Ghi chú
			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	
A	B	14	15	16	17	18	19	20
	<i>Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã Tư Nghĩa (1160737)</i>				2,964,000		2,964,000	nộp rồi
2.6	Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới truyền thông về xây dựng nông thôn mới thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông (20502)				48,000		48,000	
	<i>Văn phòng hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân xã Tư Nghĩa (1157898)</i>				48,000		48,000	nộp rồi

PHỤ LỤC
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG CHI
NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

(Kèm theo Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 09/4/2026 của UBND xã Tư Nghĩa)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung, Nhiệm vụ	Quyết định phân bổ	Đơn vị	Kinh phí
I	Dự phòng giao năm 2025	QĐ số 1900 ngày 14/8/2025		674,000,000
II	Dự phòng phân bổ trong năm			381,000,000
II.1	<i>Phân bổ sử dụng ở xã cũ trước sắp xếp</i>			<i>106,000,000</i>
II.2	<i>Phân bổ sử dụng ở xã mới sau sắp xếp</i>			<i>275,000,000</i>
1	Kinh phí thực hiện công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm nạn 2025 (đợt 01)	QĐ số 3358 ngày 03/11/2025	Phòng Kinh tế xã	100,000,000
2	Kinh phí thực hiện công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm nạn 2025 (đợt 02)	QĐ số 3891 ngày 18/12/2025	Phòng Kinh tế xã	100,000,000
3	Kinh phí mua test nhanh ma túy phục vụ công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trên địa bàn xã	QĐ số 3891 ngày 18/12/2025	Công an xã	20,000,000
4	Kinh phí thực hiện công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ năm 2026	QĐ số 3891 ngày 18/12/2025	Ban chỉ huy quân sự xã	55,000,000
III	Kinh phí còn lại năm 2025			293,000,000